

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN P  
TỈNH HẬU GIANG**

Bản án số: 60/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 02 – 6 – 2022  
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH HẬU GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Lê Hoàng Em.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phan Công Điện.
2. Ông Nguyễn Thành Quyến.

**- Thư ký phiên toà:** Ông Phan Công Trộn là Thư ký Toà án nhân dân huyện P, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 02 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện P xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 24/2022/TLST – HNGĐ, ngày 25 tháng 01 năm 2022, về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Trương Mỹ H, sinh năm 1999.

Địa chỉ: Tổ S, ấp M, xã V, huyện G, tỉnh K. Có mặt.

**- Bị đơn:** Anh Nguyễn Phú Q, sinh năm 1998.

Địa chỉ: ấp A, xã X, huyện P, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo đơn khởi kiện gửi Tòa án và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trương Mỹ H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Q có tìm hiểu và tiến đến hôn nhân vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại UBND xã X. Quá trình chung sống thì vợ chồng hạnh phúc được một thời gian. Từ năm 2019 thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không còn hòa hợp, anh Q có hành vi đánh đập chị, đồng thời không còn quan tâm gì đến đời sống gia đình, vợ chồng không còn quan tâm, chia sẻ nhau trong cuộc sống, tình cảm ngày một phai nhạt, từ đó cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, vợ chồng đã nhiều lần hàng gấn nhưng không thành. Chị và anh Q đã không còn sống chung từ năm 2021 cho đến nay. Chị H nhận thấy không còn tình cảm với anh Q và không muốn kéo dài cuộc hôn nhân này nữa nên chị yêu cầu ly hôn.

Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Đức O, sinh ngày 30/8/2019. Chị H yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Phú Q trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: anh và chị H chung sống từ năm 2018, có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng không còn hạnh phúc, không còn tình cảm với nhau nên anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Đức O, sinh ngày 30/8/2019 hiện đang sống với chị H, sau khi ly hôn anh đồng ý giao cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp*: căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ý kiến bị đơn, Tòa xác định quan hệ pháp luật tranh chấp phải giải quyết trong vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về thẩm quyền giải quyết*: bị đơn trong vụ án là anh Nguyễn Phú Q có địa chỉ cư trú tại xã X, huyện P, tỉnh Hậu Giang. Căn cứ quy định tại các điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Hậu Giang.

[3] *Về xét xử trong trường hợp có đương sự vắng mặt tại phiên tòa*: Nguyên đơn, bị đơn trong vụ án vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[4] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Trương Mỹ H và anh Nguyễn Phú Q tiến đến hôn nhân vào năm 2018 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên hôn nhân của anh chị được công nhận hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là bất đồng quan điểm sống, tính tình không còn hòa hợp, khi có mâu thuẫn anh chị không tạo điều kiện hàn gắn mà để mâu thuẫn kéo dài, hiện tại anh chị đã không còn sống chung với nhau, không còn quan tâm, yêu thương nhau và đều thống nhất ly hôn. Mặt khác, Tòa án cũng đã tiến hành mời hòa giải cho anh chị nhưng anh chị đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, không đến Tòa. Điều đó chứng tỏ tình cảm của anh chị đối với nhau không còn, mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân của anh chị đã thật sự trầm trọng, nếu tiếp tục chung sống sẽ không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa chấp nhận yêu cầu của chị H, cho chị H được ly hôn với anh Q.

[5] *Về con chung*: chị H và anh Q có 01 con chung tên Nguyễn Đức O, sinh ngày 30/8/2019, hiện do chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H yêu cầu được nuôi con, anh Q cũng thống nhất, không có tranh chấp nên Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cháu

O cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Q có quyền và nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

[6] *Về cấp dưỡng*: theo khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình quy định: “Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con”. Tuy nhiên do chưa yêu cầu, nên Tòa chưa xem xét trong cùng vụ án này.

[7] *Về tài sản chung và nợ chung*: các đương sự không ai có yêu cầu giải quyết nên Tòa chưa xem xét. Nếu sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết thành một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[8] *Về án phí*: căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Buộc chị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo mức không có giá ngạch.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147, 228, 238, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Mỹ H được ly hôn với anh Nguyễn Phú Q.

2. Về con chung: giao con chung chưa thành niên tên Nguyễn Đức O, sinh ngày 30/8/2019 cho chị Trương Mỹ H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Phú Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: buộc chị Trương Mỹ H chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chuyển 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007718 ngày 25/01/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P thành án phí.

4. Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- UBND xã X, PH, HG;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Hoàng Em**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phan Công Điện – Nguyễn Thành Quyền**

**Lê Hoàng Em**











